

**Ống nhựa**  
**PUN-16X2,5-RT**  
Số bộ phận: 178415

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ø ngoài                                         | 16 mm                                                                                                                                                           |
| bán kính uốn liên quan đến dòng chảy            | 88 mm                                                                                                                                                           |
| Ø trong                                         | 11 mm                                                                                                                                                           |
| Bán kính uốn tối thiểu                          | 45 mm                                                                                                                                                           |
| Lưu ý áp dụng                                   | TPE-U dựa trên este<br>Ống nhựa chỉ có thể được đặt tiếp xúc với cáp nếu vỏ bọc của chúng không có este của axit photphoric. Nếu không ống nhựa có thể bị hỏng. |
| Đặc tính ống                                    | thích hợp cho máng xích                                                                                                                                         |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.7 MPA<br>-0.95 bar...7 bar<br>-13.775 psi...101.5 psi                                                                                            |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi                                                                                               |
| Giấy phép                                       | TÜV                                                                                                                                                             |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                           | B 013277 0506 00                                                                                                                                                |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                                                                                                                            |
| Kiểm tra độ cháy vật liệu                       | UL94 HB                                                                                                                                                         |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -35 °C...60 °C                                                                                                                                                  |
| Trọng lượng sản phẩm theo chiều dài             | 0.1294 kg/m                                                                                                                                                     |
| Cổng nối khí nén                                | cho cổng nối cắm bên ngoài Ø 16 mm                                                                                                                              |
| Màu sắc                                         | màu đỏ                                                                                                                                                          |
| Độ cứng Shore                                   | D 52 +/-3                                                                                                                                                       |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                   |
| Vật liệu ống                                    | TPE-U(PU)                                                                                                                                                       |